

Số: 623/QĐ-UBND

Ninh Hải, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng giải quyết của Ủy ban nhân dân xã thuộc lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của công chức Lao động – Thương binh và Xã hội xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng giải quyết thuộc lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội cụ thể:

Danh mục thủ tục hành chính đã được công khai chuẩn hóa: Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm 18 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Nội dung của từng thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội xã có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung các thủ tục hành chính để Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân xã niêm yết công khai, hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê xã, Công chức Lao động – Thương binh và Xã hội xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Vũ Văn Diệu



Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG KHAI CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG GIẢI QUYẾT THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: 623/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND xã Ninh Hải)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
1	1.000132.000.00.00.H23	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.003521.000.00.00.H23	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
1	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.001699.000.00.00.H23	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.001653.000.00.00.H23	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
4	1.001776.000.00.00.H23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	1.001758.000.00.00.H23	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
6	1.001739.000.00.00.H23	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
7	1.001731.000.00.00.H23	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	

8	2.000751.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở			
III. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG					
1	2.001382.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ			Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.003337.000.00.00.H23	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi			
TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
IV.	LĨNH VỰC TRẺ EM				
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	½ ngày (12 giờ)	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	5 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	7 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.
4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	Luật trẻ em năm 2016. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thể không phải là người thân thích của trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)				điều của Luật trẻ em.
5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

6	<p>Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế (<i>Công bố tại Quyết định 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017</i>)</p>	<p>25 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.</p>

